

Bản án số: 68/2018/DS- ST

Ngày 20/8/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Ông Lê Văn Ty

- Thư ký ghi biên bản: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2018/TLST-DS, ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng mua bán* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Quốc H, sinh: 1963.

Địa chỉ: ấp A, xã Th, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn P, sinh 1976.

Địa chỉ: khu phố X, thị trấn Y, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Lữ Ngọc L, sinh: 1964.

Địa chỉ: ấp A, xã Th, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L1, sinh: 1961.

Địa chỉ: ấp A, xã Th, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bà L1 ủy quyền cho ông Lữ Ngọc L.

(Anh P có mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2018, bản tự khai cùng với các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Từ tháng 11/2009 đến tháng 11/2014 ông H có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo với ông Lữ Ngọc L và bà Nguyễn Thị L1, thỏa thuận khi heo xuất chuồng (khoảng 04 tháng) thanh toán nợ và giao thức ăn mới. Mỗi bên giữ 01 sổ để theo dõi. Đến ngày 30/12/2016 thì chốt nợ, ông L và bà L1 còn nợ số tiền 109.634.000 đồng và cam kết trong thời hạn 30 ngày thanh toán số nợ này. Nhiều lần ông H yêu cầu ông L và bà L1 trả số tiền này nhưng đến nay chưa trả.

Nay, ông H yêu cầu ông Lữ Ngọc L và bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc là 109.634.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 30/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất cùng với các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án bị đơn ông Lữ Ngọc L trình bày:

Vào năm 2010 vợ ông là Nguyễn Thị L1 có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo với ông Đinh Quốc H. Vào ngày 09/02/2013 ông có bán số cây kiềng gồm Nguyệt Quới, Mai vàng, Sứ Thái Lan cho ông H với số tiền 100.000.000 đồng nhưng ông không lấy tiền mà để trừ vào tiền thức ăn cho vợ ông. Đến năm 2015 chốt nợ ông H tính tổng cộng tiền nợ thức ăn và lãi ông còn nợ là 459.634.000 đồng và ông xin trả dần trong một năm được 350.000.000 đồng còn lại 109.634.000 đồng. Khi tính sổ, trừ số tiền kiềng ông đã trả đủ số tiền thức ăn nhưng ông H không đồng ý và cho rằng số cây kiềng này ông đã cân trừ vào số tiền thiếu thức ăn của dâu ông là Nguyễn Thị N. Nay, ông H khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền thức ăn 109.634.000 đồng và tính lãi suất ông không đồng ý.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đại diện nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2018 của ông Đinh Quốc H đối với ông Lữ Ngọc L và bà Nguyễn Thị L1 thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Ông Lữ Ngọc L có nơi cư trú tại xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L.

Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tổng số tiền thức ăn mà bị đơn còn thiếu của nguyên đơn là 109.634.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu trả số tiền gốc là 109.634.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 30/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi giao dịch mua bán thức ăn, giữa hai bên cho rằng đều có giữ 01 cuốn sổ để theo dõi việc mua bán thức ăn và thanh toán nợ. Theo tờ ghi nợ đến ngày 08/10/2015 ông L có ký xác nhận còn thiếu 409.634.000 đồng và cam kết trong một tháng sẽ trả đủ. Theo ông L trình bày ông có trả dần được số tiền 350.000.000 đồng đến ngày 30/12/2016 còn nợ lại 109.634.000 đồng và ông L cho rằng vào ngày 09/02/2013 ông có bán số cây kiềng gồm Nguyệt Quới, Mai vàng, Sứ Thái Lan cho ông H với số tiền 100.000.000 đồng nhưng ông không lấy tiền mà để trừ vào tiền thức ăn cho vợ ông. Tuy nhiên, đối với yêu cầu cản trừ của ông là thuộc trường hợp ông có yêu cầu phản tố đối với ông Đinh Quốc H nhằm đối trừ với nghĩa vụ của nguyên đơn và Tòa án đã ra thông báo số 199/TB-TA ngày 11/6/2018 đối với ông Lữ Ngọc L đối với trường hợp này ông phải làm đơn phản tố và đóng tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nhưng đã hết thời hạn ông L cũng không có yêu cầu. Đối với sổ mua bán thức ăn giữa ông H và ông L về thời gian xác nhận nợ cũng như thanh toán nợ thấy rằng đến ngày 30/12/2016 ông L còn nợ ông Hùng số tiền là 109.634.000 đồng và ông L cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh là mình có bán số cây kiềng cho ông H để cản trừ số tiền 100.000.000 đồng. Lời trình bày của ông L cản trừ số tiền kiềng 100.000.000 đồng vào tiền thiếu nợ thức ăn không được xem xét. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu trả số nợ gốc là 109.634.000 đồng.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 30/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm: Theo giấy ghi nợ đến ngày 30/12/2016 xác định số tiền ông Lữ Ngọc L còn nợ ông Đinh Quốc H số tiền 109.634.000 đồng. Sổ theo dõi mua bán thức ăn hai bên không ghi nội dung các bên

thỏa thuận có lãi nhưng đến hạn trả tiền mà bên mua không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên bán có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn không vượt quá 20%/năm tại thời điểm trả nợ, tương đương 0,83%/tháng. Yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất là 0,83%/tháng là không vượt quá mức lãi suất quy định. Do đó, số tiền lãi được tính từ thời gian chậm trả đến ngày xét xử được tính như sau: Từ ngày 30/12/2016 đến ngày xét xử 20/8/2018 ($109.634.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ tháng} \times 0,83\%$) = 17.889.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi mà ông L, bà L1 có nghĩa vụ trả cho ông H tính từ thời điểm nợ đến ngày xét xử là: 17.889.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, cần buộc ông Lữ Ngọc L và bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Quốc H tổng số tiền là 127.523.000 đồng là phù hợp.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu được chấp nhận là: $127.523.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.376.000 \text{ đồng}$ ông Long, bà Lượng có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, 91, 92, 93, 96, 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Quốc H đối với ông Lữ Ngọc L và bà Nguyễn Thị L1.

Buộc ông Lữ Ngọc L và bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Quốc H số tiền là 127.523.000 (*Một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi ba nghìn*) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: ông Lữ Ngọc L và bà Nguyễn Thị L1 liên đới có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 6.376.000 (*Sáu triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn*) đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Đinh Quốc H số tiền 3.203.000 (*Ba triệu hai trăm lẻ ba nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0014842 ngày 22/3/2018.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí